

# Báo cáo ngành VietinbankSc Ngành Ngân hàng Thương mại Việt Nam

11-2013

Hang T. Nguyen

## 2 **Khái quát về ngành**

- 2 Định nghĩa ngành
- 2 Hoạt động chính
- 2 Các ngành tương tự
- 2 Nguồn tham khảo

## 3 **Tổng quan ngành**

## 4 **Sức hấp dẫn ngành**

- 4 Tóm tắt báo cáo
- 5 Các yếu tố tác động chính
- 7 Tình hình kinh doanh
- 12 Dự báo ngành
- 14 Chu kỳ sống của ngành

## 15 **Sản phẩm và thị trường**

- 15 Chuỗi giá trị
- 15 Sản phẩm và dịch vụ
- 18 Yếu tố quyết định nhu cầu
- 18 Thị trường chủ yếu

- 19 Địa bàn kinh doanh

## 20 **Môi trường cạnh tranh**

- 20 Mức độ tập trung ngành
- 21 Yếu tố tạo thành công
- 22 Cấu trúc chi phí
- 24 Mức độ cạnh tranh
- 26 Toàn cầu hóa

## 27 **Điều kiện kinh doanh**

- 27 Khoa học và công nghệ
- 27 Pháp luật và chính sách
- 28 Hỗ trợ ngành
- 28 Sự biến động của doanh thu

## 29 **Số liệu thống kê ngành**

- 29 Thống kê ngành
- 30 Thống kê NH

## 32 **Ngân hàng lớn**

- 32 AGRIBANK
- 33 BIDV
- 34 VIETINBANK
- 35 VIETCOMBANK
- 36 NH Khác

## Thuật ngữ

## Cập nhật ngành

# Khái quát về Ngành Ngân hàng Thương mại Việt Nam

## Định nghĩa Ngành

Ngân hàng thương mại là một trung gian tài chính kết nối nhu cầu cung cấp vốn từ những người thặng dư vốn với những người đang có nhu

cầu sử dụng vốn. Ngân hàng cũng cung cấp một loạt các loại hình dịch vụ khác như thanh toán và thu nợ, chuyển tiền và giao dịch ngoại hối.

## Hoạt động chính

### Sản phẩm chính

- Nhận tiền gửi khách hàng
- Cho vay và ứng trước

### Dịch vụ

- Thanh toán và thu nợ trong nước cũng như quốc tế
- Dịch vụ kho bạc
- Dịch vụ bảo lãnh
- Những dịch vụ khác như là thẻ, ngân hàng điện tử, ngân hàng di động.

### Các hoạt động độc quyền

- Giao dịch ngoại hối
- Giao dịch chứng khoán
- Đầu tư chứng khoán
- Hoạt động khác

## Ngành tương tự

### 66120 Môi giới chứng khoán

Các công ty trong ngành cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, kinh doanh và môi giới chứng khoán.

### 64910 Cho thuê tài chính

Các công ty trong ngành cung cấp các dịch vụ cho thuê tài chính.

### 66300 Quản lý quỹ

Các công ty trong ngành cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ.

## Nguồn tham khảo

Để biết thêm thông tin về ngành, vui lòng truy cập:

[www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn)

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

[www.vnbaorg.info](http://www.vnbaorg.info)

Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam

[www.thoibaonganhang.vn](http://www.thoibaonganhang.vn)

Thời báo Ngân hàng

# Tổng quan Ngành

## Một số chỉ tiêu chính (2012)

Tổng tài sản

4,975 nghìn tỷ VND

Tăng trưởng hàng năm 09-12

18%

Tăng trưởng hàng năm 13-18

11%

Lợi nhuận sau thuế

36 nghìn tỷ VND

Số lượng lao động

180,000

Số ngân hàng

50<sup>1</sup>

ROA

0.73%

ROE

9.54%

### Thị phần (Cho vay)

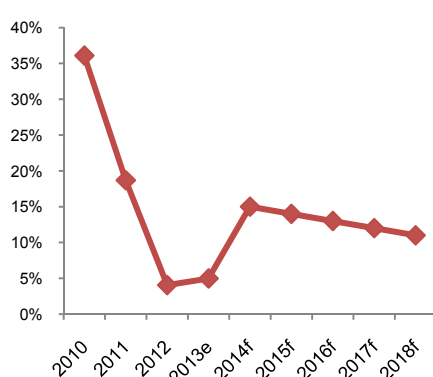
Agribank  
19.67%

BIDV  
14.61%

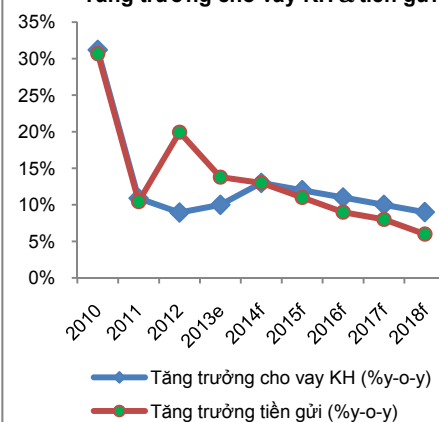
Vietinbank  
14.41%

Vietcombank  
10.31%

Tăng trưởng tổng tài sản



Tăng trưởng cho vay KH & tiền gửi



Nguồn: Ngân hàng nhà nước, BMI

### Yếu tố tác động chính

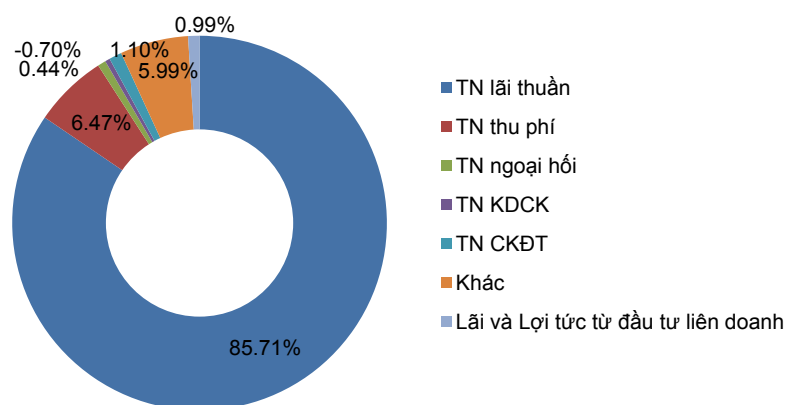
Tình hình kinh tế

Thu nhập bình quân khả dụng và tỷ lệ tiết kiệm

Phong cách hiện đại

Cạnh tranh từ những tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Cơ cấu sản phẩm và dịch vụ



Nguồn: VietinBankSc

### Cơ cấu ngành

Chu kỳ sống	Phát triển	Pháp luật và chính sách	Cao
Biến động doanh thu	Trung bình cao	Thay đổi Công nghệ	Cao
Mức độ tập trung vốn	Cao	Rào cản gia nhập	Trung bình
Hỗ trợ ngành	Cao	Mức độ toàn cầu hóa	Thấp
Mức độ tập trung	Thấp	Mức độ cạnh tranh	Trung bình

<sup>1</sup> 6 Ngân hàng Trung ương, 35 ngân hàng thương mại, 4 ngân hàng liên doanh, 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và 50 phòng đại diện tại Việt Nam

# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Tóm tắt báo cáo

Khi nhắc đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại thì thu nhập lãi thuần thường được nhắc đến đầu tiên. Mặc dù vậy, cùng với xu hướng đi xuống chung của toàn bộ nền kinh tế, ngành ngân hàng đang trải qua thời kỳ khủng hoảng với tăng trưởng tín dụng luôn ở mức thấp. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do sự thu hẹp của nền kinh tế, sự phá sản của các công ty cũng như mức tiêu dùng thấp do những lo ngại cá nhân về thu nhập không ổn định trong tương lai gần.

Ngành ngân hàng thực sự gặp khó khăn khi tỷ lệ những khoản vay không có khả năng thanh toán ngày càng tăng cao (hơn 4%). Nhu cầu thị trường đóng băng và có đến hơn 60% doanh nghiệp trong nền kinh tế báo mức thu nhập ròng âm. Lợi nhuận âm một phần là do việc đầu tư vốn vào thị trường bất động sản và sự giảm giá bất động sản liên tục đã gây ra thua lỗ cho các nhà đầu tư và sau đó là người cho vay. Những ảnh hưởng tiêu cực này đã khiến cho lợi nhuận sau thuế của toàn ngành ngân hàng thương mại ở Việt Nam giảm từ 47 nghìn tỷ đồng xuống còn 36 nghìn tỷ đồng.

Hậu quả tất yếu của sự yếu kém trong hoạt động quản lý tại một số ngân hàng của Việt Nam là hàng loạt các thương vụ mua lại và sáp nhập ngân hàng với quy mô lớn trong năm 2012. Sự cơ cấu lại của

hệ thống ngân hàng Việt Nam hứa hẹn sẽ mang lại một môi trường lành mạnh và được quy định nghiêm ngặt hơn cho việc quản lý rủi ro và tận dụng được lợi thế từ quy mô kinh tế.

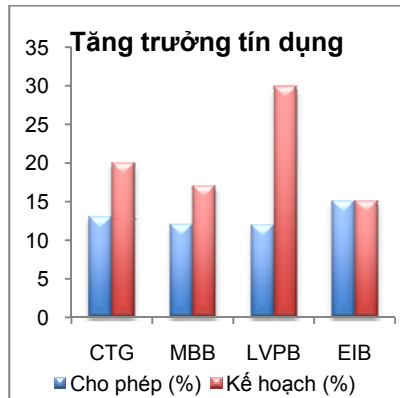
Những dấu hiệu lạc quan gần đây của nền kinh tế vĩ mô đã phần nào giúp lấy lại niềm tin của các cá nhân, các tổ chức kinh tế và nhà đầu tư nước ngoài. Sự ra đời của Công ty Quản lý Tài sản (VAMC) ở một mức độ nào đó giúp các ngân hàng xử lý vấn đề nợ xấu, tập trung lại vào các hoạt động kinh doanh, thận trọng hơn trong quản lý tín dụng, và có sự chuẩn bị để đối mặt và xử lý gánh nặng nợ xấu trong tương lai.

Cùng với sự hỗ trợ từ ngoài ngành và những cải cách bên trong nội bộ ngành, ngành Ngân hàng được kỳ vọng sẽ hồi phục trong vòng năm năm tới, từ nay đến năm 2018. Thu nhập lãi ròng được dự báo sẽ tăng do sự gia tăng tiền gửi tiết kiệm từ khách hàng cá nhân, nhu cầu tài chính cũng như khả năng trả nợ cao hơn từ các doanh nghiệp. Đồng thời, thu nhập ngoài lãi dự kiến cũng sẽ tăng do sự bùng nổ của hệ thống thanh toán phi tiền mặt. Mặc dù vậy, gánh nặng nợ xấu vẫn sẽ kéo lùi sự tăng trưởng của toàn hệ thống. Do đó, lợi nhuận của toàn ngành năm 2013 ước tính ở mức 1.01% đối với ROA và 12% đối với ROE, và sau đó sẽ tăng từ từ lần lượt lên mức trung bình 1.28% và 13%.

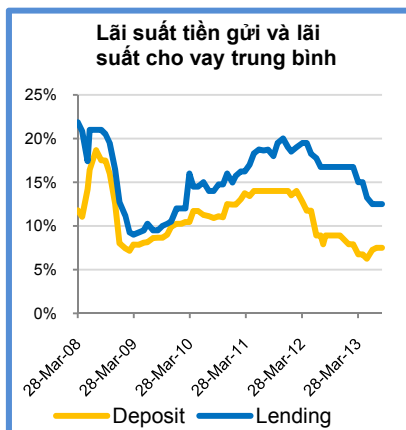
# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Yếu tố tác động chính



Nguồn: VietinBanksc



Nguồn: Stoxplus.vn

80% khoản nợ của 300,000 doanh nghiệp vừa và nhỏ là nợ NH. Tình hình kinh doanh bất ổn dẫn đến sự suy giảm trong hoạt động ngành

Năm	Số lượng doanh nghiệp tại Việt Nam	
	Mới thành lập	Giải thể
2010	82,000	42,000
2011	78,500	52,000
2012	70,000	53,000
6M 2013	38,908	28,755

Nguồn: Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư

## Quy định và giám sát

Sự sụp đổ của bất kỳ một ngân hàng nào cũng có thể dẫn đến sự sụp đổ của hàng loạt ngân hàng khác cũng như toàn bộ hệ thống tài chính, vì vậy tất cả các ngân hàng thương

mại đều được quản lý, giám sát trực tiếp và chặt chẽ bởi ngân hàng nhà nước. Do vậy, một số hoạt động kinh doanh có lãi cao rất bị hạn chế.

### Trần tăng trưởng tín dụng theo yêu cầu của ngân hàng nhà nước

Dựa trên mức độ giãn giảm nợ xấu của năm trước đó, ngân hàng nhà nước sẽ phân bổ hạn mức tăng trưởng tín dụng cho từng ngân hàng hoặc từng nhóm ngân hàng. Đối với

một số ngân hàng, hạn mức quy định thấp hơn nhiều so với kế hoạch của ngân hàng, ví dụ như trường hợp của CTG, MBB, LVPB.

### Mức an toàn vốn yêu cầu

Tại Việt Nam, mức an toàn vốn tối thiểu được yêu cầu là 9%, điều này có nghĩa là các ngân hàng không thể đầu tư quá nhiều vào các tài sản có độ rủi ro cao. Đầu tư chứng khoán và bất động sản được phân loại là

hai nhóm rủi ro nhất. Trong những ngân hàng được điều tra, sáu ngân hàng bao gồm TCB, MBB, AGRB, SeaBank, VIB, BacA Bank có báo cáo về hoạt động đầu tư bất động sản.

### Chính sách lãi suất

Ảnh hưởng của biến động lãi suất cho vay đến hoạt động của các ngân hàng là khá rõ ràng. Ngân hàng nhà nước vào từng giao đoạn khác nhau áp dụng mức trần lãi suất cho vay khác nhau. Các khoản vay lãi suất cố định và tiền gửi lãi suất thả trôi đối mặt với rủi ro cao khi lãi suất giảm và ngược lại. Vì thế, sự không khớp giữa kỳ hạn cho vay và kỳ hạn của tiền gửi khiến ngân hàng gặp phải rủi ro lãi suất. Điều này dẫn đến sự sụt giảm tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) trong một số ngân hàng như BIDV, CTG, SHB, EIB, VCB.

Trong hai năm vừa qua, ngân hàng nhà nước đã liên tục giảm lãi suất từ mức trên 10% xuống còn 7% vào cuối tháng 6 năm 2013. Điều này dẫn đến kỳ vọng về nguồn vốn vay rẻ hơn. Bên cạnh đó, từ cuối năm 2011 đến đầu năm 2013, biên lãi cũng đã trở lên lớn hơn. Chi phí vốn cao dẫn đến việc vỡ nợ đối với các khoản vay. Tuy nhiên, theo BMI, lãi suất sẽ được giữ ở mức ổn định trong những năm tới và sự chênh lệch cũng sẽ được thu hẹp lại.

## Tình hình kinh tế

Các ngân hàng đã và đang là nhân tố tích cực trong việc liên kết các khoản tiền nhàn rỗi trong nền kinh tế, đặc biệt trong các doanh nghiệp kinh doanh sản xuất. Dịch vụ cho vay doanh nghiệp chiếm tới 66% tổng các khoản vay khách hàng. Theo một cuộc khảo sát được tiến hành bởi Phòng Thương mại và

Công nghiệp Việt Nam, 54% các doanh nghiệp tham gia khảo sát có nhu cầu vay vốn từ ngân hàng. Trên thực tế, 80% nợ của 300,000 doanh nghiệp vừa và nhỏ là các khoản vay ngân hàng. Vì vậy, những thăng trầm của các doanh nghiệp ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động cho vay của tổ chức tài chính này.

### Số lượng doanh nghiệp mới

Theo công bố thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số lượng doanh nghiệp mới đi vào hoạt động đã giảm từ năm 2010 bởi suy thoái kinh

tế. Điều này, ở một mức độ nào đó có thể giải thích cho việc tăng trưởng tín dụng thấp.

# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

Tăng trưởng GDP (%)	9M 2011	9M 2012	9M 2013
Nông nghiệp	3.74	2.5	2.39
Công nghiệp	6.75	5.76	5.2
Dịch vụ	6.43	5.66	6.25

Nguồn: Công TTĐT Chính phủ Việt Nam

Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp mới thành lập đã bắt đầu tăng từ đầu năm 2013, lần lượt tăng 7.6% và 15.5% so với cùng kỳ năm trước và nửa cuối năm 2012. Số lượng

doanh nghiệp đi vào hoạt động được dự báo sẽ tăng trong tương lai gần. Theo đó, nhu cầu vay vốn cũng sẽ tăng như hệ quả tất yếu của sự tăng trưởng kinh tế.

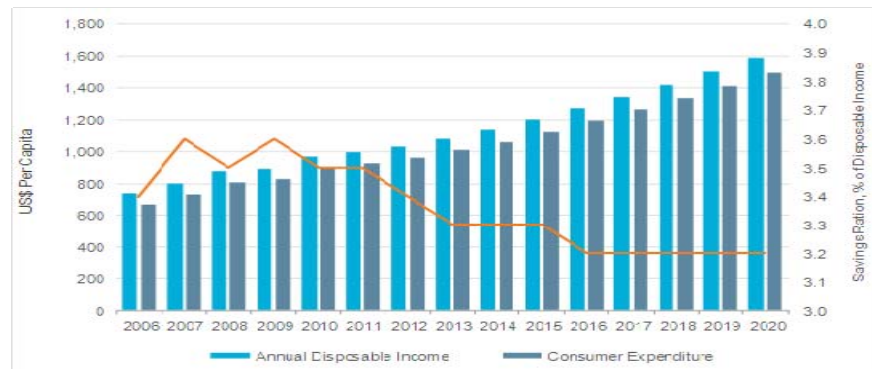
## Đóng góp cho nền kinh tế

Năm 2012 đánh dấu một năm nửa suy thoái kinh tế của Việt Nam. Đóng góp vào GDP của các ngành sản xuất, nông nghiệp và dịch vụ đều chạm đáy. Nhu cầu thị trường

cạnh kiệt và các động lực sản xuất bị suy giảm. Vì vậy, không chỉ hoạt động cho vay giảm xuống mà thanh toán trong nước cũng như quốc tế đều khá ảm đạm.

60% tiền gửi là nguồn tiền gửi của các khách hàng cá nhân

## Thu nhập bình quân khả dụng và tỷ lệ chi tiêu-tiết kiệm



Nguồn: Số liệu thống kê và nguồn thương mại các quốc gia từ Euromonitor International

Khác với những tổ chức kinh tế khác, phần nợ phải trả của các ngân hàng luôn cao hơn rất nhiều so với vốn chủ sở hữu. Nguồn vốn hỗ trợ cho hoạt động của ngân hàng chủ yếu là từ nguồn tiền gửi, đặc biệt 60% là từ khách hàng bán lẻ. Vì vậy, ảnh hưởng của thu nhập khả dụng và tỷ lệ gửi tiết kiệm của cá nhân đến hoạt động của ngân hàng là rất đáng chú ý.

Thực tế là khi thu nhập khả dụng tăng lên thì tỷ lệ gửi tiết kiệm cũng tăng theo. Năm 2011, tỷ lệ gửi tiết kiệm ở Việt Nam bằng 3.5% thu nhập khả dụng một năm. Tổ chức Euromonitor International dự báo rằng trong 5 năm tới tỷ lệ tiết kiệm sẽ giảm và dừng ở tỷ lệ ổn định hơn ở mức 3.2%.

## Loại hình ngân hàng hiện đại

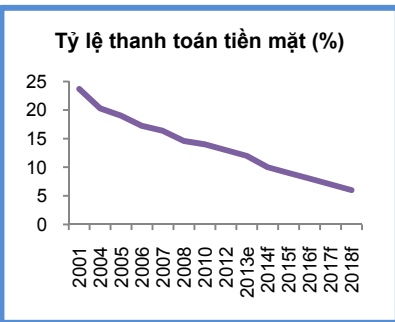
Phương thức thanh toán truyền thống đã được thay thế bằng các hoạt động ngân hàng hiện đại, thể hiện rõ nhất qua việc giảm tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt. Dự kiến, tỷ lệ này sẽ tiếp tục giảm và giảm xuống còn 5% trong 5 năm tới. Theo cục thương mại điện tử và công nghệ thông tin Việt Nam (VECITA),

36% người dân Việt Nam đang sử dụng internet và 57% trong số đó tham gia mua sắm trên mạng. Ước tính trong 10 năm tới, sẽ có 70% dân số có nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng hiện đại. Do đó, thu nhập từ những loại hình dịch vụ này được dự đoán cũng sẽ tăng theo.

## Sự cạnh tranh từ các tổ chức phi ngân hàng

Ông Võ Trí Thanh, Viện phó Viện quản lý Kinh tế Trung ương cho biết, gần đây ở Việt Nam, tín dụng đen chiếm tới 30% tổng dư nợ, tương đương 50 tỷ đô la Mỹ. Mặc dù lãi

suất có thể cao hơn từ 15-25%/tháng, sự hấp dẫn của thị trường tín dụng đen nằm ở sự đơn giản, tiện lợi về thời gian và thủ tục giấy tờ.



Nguồn: Ngân hàng nhà nước

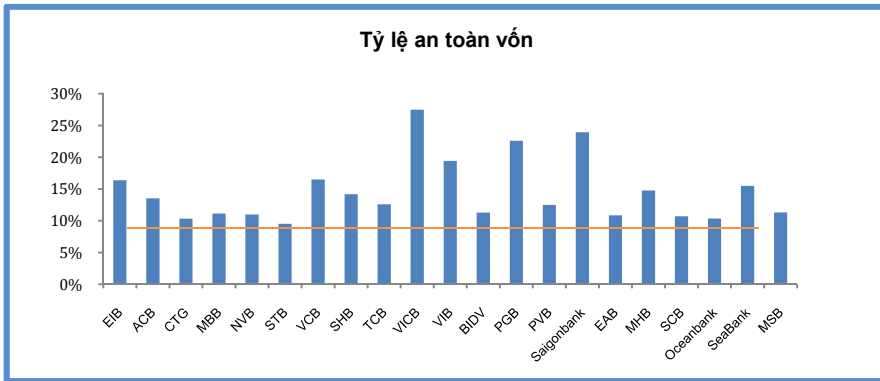
Tín dụng đen chiếm khoảng 30% tổng số các khoản vay

# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Tình hình kinh doanh

### Vốn an toàn đã đáp ứng được nhu cầu



Nguồn: VietinBankSc

các ngân hàng thương mại nâng tỷ lệ vốn an toàn từ 8% lên 9%. Điều này cho thấy, Ngân hàng Nhà nước đã nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao hơn nữa sự an toàn của toàn hệ thống ngân hàng nhằm theo sát các tiêu chuẩn của ủy ban Basel. Trong năm 2012 và nửa đầu năm 2013, tất cả các ngân hàng trong hệ thống đã có những nỗ lực đáng kể để ổn định cán cân thanh toán và đạt được tỷ lệ vốn an toàn cao hơn yêu cầu. Hơn nữa, tỷ lệ 13.76% của năm 2013 đã cải thiện rất nhiều so với 13.37% trong năm 2012. Điều này thể hiện quyết tâm của các ngân hàng trong việc cấu trúc lại hệ thống ngân hàng lành mạnh và an toàn hơn.

Yêu cầu về mức vốn an toàn tối thiểu được sử dụng để bảo vệ người gửi tiền, thúc đẩy sự ổn định và hiệu quả của hệ thống tài chính. Ngân hàng nhà nước đã ban hành thông tư 13/2010/TT-NHNN để yêu cầu

57% tổng tài sản là các khoản vay khách cho khách hàng

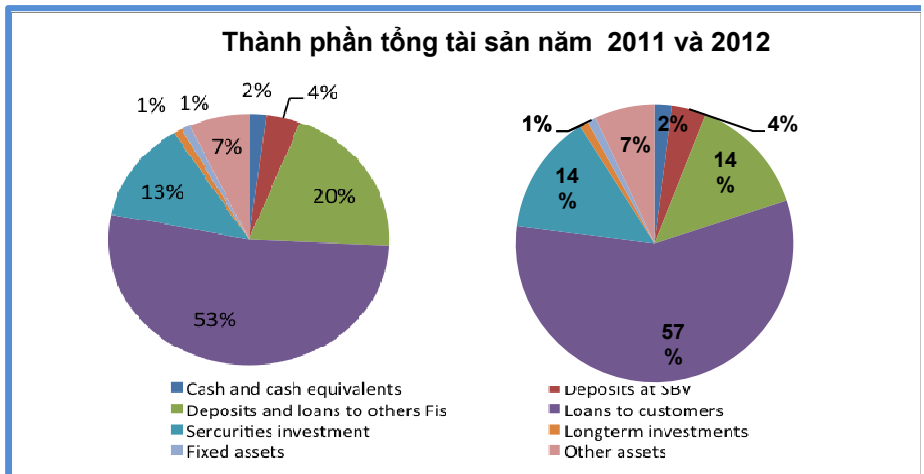
### Chất lượng tín dụng

*Sự phụ thuộc nhiều vào các khoản vay cho khách hàng làm tăng rủi ro tín dụng.*

Cho vay khách hàng chiếm tới hơn 50% tổng tài sản. Như đã đề cập, sự thu hẹp của nền kinh tế đã khiến cho tăng trưởng tổng tài sản bị chậm lại.

Khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân thường được xếp hạng tín dụng thấp hơn các tổ chức tài chính. Tuy nhiên, số lượng các khoản vay khách hàng tăng lên 57%, cao hơn so với 53% trong năm 2011. Trong khi đó, các khoản vay cho các tổ chức tài chính bị giảm từ

20% xuống còn 14%. Điều này chỉ ra rằng, các ngân hàng đã và đang cơ cấu nhiều tài sản có độ rủi ro cao hơn trong danh mục đầu tư của mình. Hơn nữa, lãi suất cho vay liên ngân hàng thấp hơn lãi suất tiền gửi của khách hàng, ví dụ như trong năm 2013, hai lãi suất này lần lượt là 6.5% và 7% /năm. Điều này đồng nghĩa với việc các ngân hàng đang sử dụng nguồn vốn đắt hơn và tăng nguy cơ đối mặt với rủi ro khi lãi suất biến động.



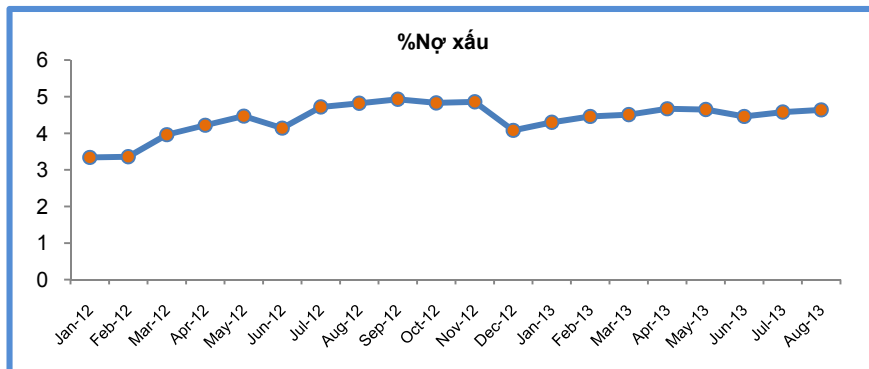
Nguồn: VietinBankSc

# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

Tỷ lệ nợ xấu: 4% theo báo cáo và 15% trên thực tế

Tỷ lệ nợ xấu cao cho thấy sự yếu kém của quản trị rủi ro



Nguồn: SBV

Các ngân hàng sở hữu một danh mục đầu tư rủi ro khi có một lượng lớn các khoản vay khách hàng. Mặc dù các ngân hàng được yêu cầu duy trì tỷ lệ nợ khó đòi ở mức dưới 3%, nhưng trong báo cáo tài chính của hơn một nửa các ngân hàng thì con số này đều vượt quá 3%. Từ đầu năm 2012, tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức cao hơn 4%. Tuy vậy, theo BMI, tỷ lệ thực tế có thể lên tới 15%.

Vấn đề gây tranh cãi này có thể được giải thích bởi một số lý do sau đây. Thứ nhất, đây là kết quả rõ ràng sau cuộc đua tăng trưởng tín dụng (hơn 25% mỗi năm) của hầu hết các ngân hàng. Càng nhiều tiền được cho vay thì nợ xấu càng cao. Thứ hai, vì mục đích lợi nhuận trước mắt, ngân hàng chấp nhận mức rủi ro lớn hơn khi đồng ý với những khoản vay không đạt chuẩn, không được đánh giá và dự báo đúng khả năng thanh toán trong tương lai của người vay.

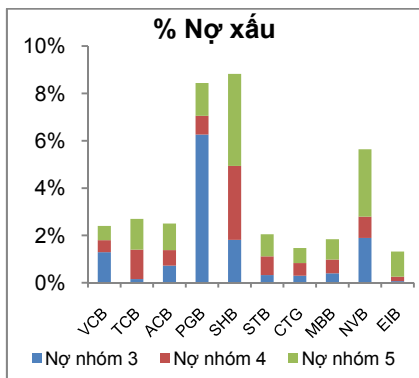
Đặc biệt, sự giảm giá nhà đất đột ngột đã làm gia tăng đáng kể tỷ lệ nợ xấu. Theo Colliers International, thị trường nhà đất Việt Nam đã ghi nhận sự sụt giảm nhanh chóng trong giá của các căn hộ cao cấp, căn hộ trung cấp và nhà ở giá rẻ vào giai đoạn 2011-2012 lần lượt là 45%, 30% và 29%. Ủy ban giám sát tài chính quốc (NFSC) cho biết, nợ xấu bất động sản chiếm tới 30-35% tổng dư nợ trên thị trường bất động sản. OECD cho rằng sự sụp đổ của thị trường nhà đất gây ảnh hưởng xấu tới các ngân hàng khi việc bất động sản giảm giá được sử dụng để làm thế chấp cho các khoản vay khiến cho ngân hàng không thể bán những tài sản thế chấp đó đi để bù lỗ. Kết quả là một vòng luẩn quẩn khi mà giá nhà đất giảm sút dẫn đến việc vỡ nợ, và việc bán những tài sản thế chấp này lại khiến cho giá nhà đất giảm sâu thêm nữa.

Cho vay nhóm 5 (lỗ) vẫn còn cao, chiếm 50%

Nợ xấu chủ yếu tập trung phần lớn ở trong nhóm 5. Đối với cả hệ thống, nhóm này chiếm tới 40% tổng nợ xấu vào cuối năm 2012 và tăng lên 50% vào tháng 6 năm 2013. Đặc biệt, thành phố Hồ Chí Minh thông báo có tới 70% nợ xấu ở nhóm 5.

phân loại lại các khoản vay để giảm tỷ lệ nợ xấu và dự phòng cho các khoản vay khách hàng. Sự thiếu thông tin về nợ xấu thực tế đã gây ra sự can thiệp chậm trễ và phản ứng thụ động từ các nhà hoạch định chính sách, điều này là cực kỳ nguy hiểm đối với thị trường tài chính.

Với mục đích đạt được lợi nhuận ròng cao, các ngân hàng thường



Nguồn: VietinBankSc



# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Chi phí ngoài lãi/TN ngoài lãi

Úc	42%
Trung Quốc	40%
Singapore	38%
Thái Lan	44%
Việt Nam	49%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Hàng loạt hành vi phi đạo đức đã làm lỗ 917 tỷ đồng.

## Năng lực quản lý

### Chi phí ngoài lãi cao

So với các nước khác, ngành ngân hàng Việt Nam tỷ lệ chi phí ngoài lãi trên thu nhập ngoài lãi là khá cao.

Những chi phí này nên được cắt giảm để có thể đạt được lợi thế từ quy mô kinh tế.

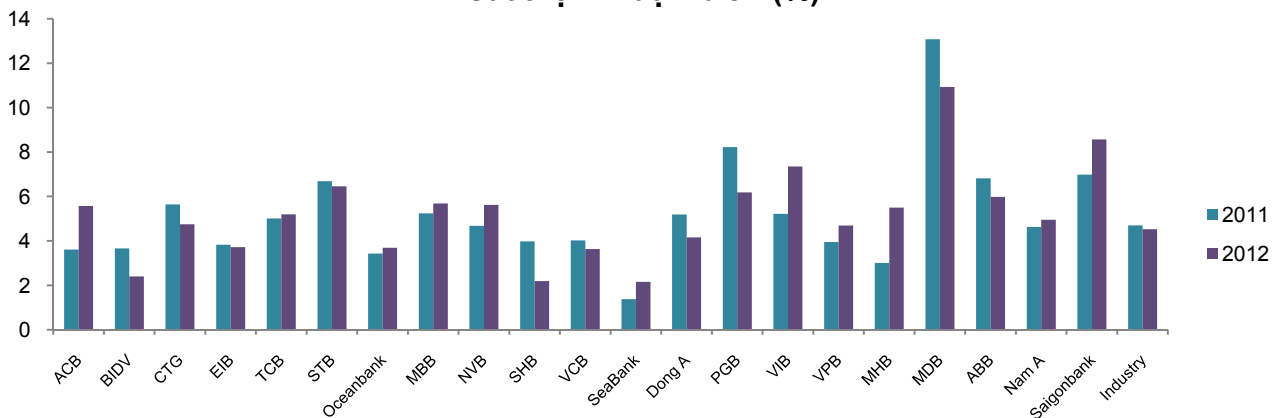
### Đào tạo cán bộ công nhân viên

Trình độ học vấn của cán bộ công nhân viên được cải thiện khi mà 80% nhân viên có bằng cử nhân. Tuy vậy, hiện tại đang có sự suy giảm trong đạo đức của một số cán bộ công nhân viên. Hành vi suy giảm

đạo đức nghề nghiệp sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới danh tiếng và uy tín của các ngân hàng. Theo Ngân hàng Nhà nước, tính đến 2012, đã có tới hơn 917 tỷ đồng được cho là đã bị thua lỗ vì nguyên nhân này.

## Thu nhập: Tình hình kinh doanh kém trong môi trường kinh tế đầy thách thức

### Tỉ suất lợi nhuận biên (%)



Nguồn: VietinBankSc

Trong hai năm vừa qua, ngành ngân hàng đã phải chịu sự sụt giảm đáng kể trong lợi nhuận khi mà khủng hoảng kinh tế làm suy yếu tình hình kinh doanh của hầu hết các ngành công nghiệp. Nhu cầu vay nợ thấp, dự phòng cao và những thay đổi trong lãi suất là những yếu tố gây nên tình trạng này.

Sự ảm đạm trong hoạt động cho vay làm suy giảm thu nhập lãi của các ngân hàng. Trong toàn hệ thống ngân hàng, thu nhập lãi ròng đã giảm xuống còn 3.3% trong khi đó tỷ lệ NIM cũng giảm từ 4.7% xuống còn 4.53%. Bên cạnh đó, suy thoái kinh tế cũng khiến cho các khách

hàng vay nợ mất đi khả năng trả nợ, làm tăng chi phí dự phòng và qua đó khiến lợi nhuận bị sụt giảm. Tỷ suất lợi nhuận cũng đã chạm đáy khi giảm từ 1.66% vào năm 2009 xuống 0.73% vào năm 2012 đối với ROA và giảm từ 23.5% xuống còn 9.54% đối với ROE. Tuy nhiên, một điều cần chú ý ở đây là tình hình tài chính khác nhau giữa các ngân hàng. Ví dụ, mặc dù AGRB có tổng tài sản lớn nhất song tỷ lệ ROA lại thấp hơn các ngân hàng khác như MDB, PGB, Nam A Bank, v.v...

# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

Ngân hàng bán lẻ và đầu tư chứng khoán ngày càng nhận được nhiều sự chú ý hơn

## Chuyển hướng kinh doanh

Các ngân hàng đã bắt đầu tập trung vào ngân hàng bán lẻ bằng việc hỗ trợ cá nhân với các khoản vay mua nhà, khoản vay bất động sản và mua ô tô. Lợi thế kinh tế theo quy mô sẽ không đạt được khi cho vay tới từng khách hàng nhỏ lẻ, tuy nhiên, biên lãi khá cao giúp cho các ngân hàng có thể bù đắp các chi phí khác.

Các ngân hàng trong nước tiếp tục tụt hậu so với các ngân hàng nước ngoài về sức mạnh tài chính cũng như công nghệ. Trong các ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam như HSBC hay Standard Charter bank, 60-70% doanh thu của họ là đến từ việc thu phí dịch vụ, trong khi đó tỷ lệ doanh thu tương tự của các ngân hàng trong nước là từ thu nhập lãi. Điều này có thể giải thích cho việc tại sao tỷ lệ nợ xấu ở các ngân hàng nước ngoài luôn nhỏ hơn đến 3 lần so với tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng trong nước. Vì vậy, các ngân hàng trong nước đã bắt đầu có nhiều đầu tư hơn vào công nghệ như việc đưa vào sử dụng ngân hàng điện tử, hệ thống thẻ và việc mở rộng thêm các chi nhánh và địa điểm giao dịch. Ví dụ,

đối với ngân hàng BIDV, số lượng chi nhánh và phòng giao dịch đã tăng đều qua các năm từ 461 (2010), 494 (2011) đến 549 vào năm 2012; và số lượng máy ATM cũng tăng từ 9,965 máy trong năm 2009 lên đến 14,500 máy trong năm 2013. Nhờ có những đầu tư này, lợi nhuận từ phân khúc ngân hàng bán lẻ đã tăng lên 30%-50%.

Trong năm 2012, các ngân hàng đã có đôi chút thay đổi trong chiến lược kinh doanh khi sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi vào kinh doanh và đầu tư chứng khoán. Số lượng cổ phiếu được giao dịch và đầu tư đã tăng lên trong năm 2012. Mặc dù hạng mục kinh doanh này khiến cho các ngân hàng lỗ gần 30 tỷ đồng, song con số này vẫn còn thấp hơn nhiều so với mức lỗ 1,300 tỷ đồng vào năm 2011. Nửa đầu năm 2013, hạng mục kinh doanh này đã mang lại cho 16 ngân hàng hơn 1,300 tỷ thu nhập ròng. Mặc dù vậy, với loại hình hoạt động kinh doanh này thì công tác quản trị rủi ro cũng cần được chú ý để ngăn chặn khả năng bong bóng giá tài sản có thể xảy ra.

Hàng loạt các thương vụ M&A quy mô lớn đã diễn ra với sự mong đợi về hệ thống ngân hàng lành mạnh hơn

## Cấu trúc lại ngân hàng

Gần đây, ngành ngân hàng ở Việt Nam đã chứng kiến một số hoạt động sáp nhập và mua lại. Đặc biệt, thương vụ M&A đầu tiên của một công ty tài chính (PVFC) và Ngân hàng Phương Tây đã thành công và chuẩn bị cho đợt IPO đầu tiên trên thị trường OTC. Những thương vụ M&A khác như là Fitcombank, SCB và Ngân hàng Tín Nghĩa, Ngân hàng Đại Á và HD Bank đã giúp lấy lại

niềm tin của khách hàng khi khách hàng được giao dịch với những ngân hàng được quản lý tốt hơn. Một hệ thống ngân hàng bao gồm những ngân hàng lớn mạnh sẽ giúp ngăn chặn các cuộc cạnh tranh không lành mạnh ví dụ như cuộc chạy đua tăng trưởng tín dụng hai năm trước đây đã gây lũng đoạn thị trường tài chính Việt Nam.

## Rủi ro thanh khoản nên được đưa vào xem xét

### Tỷ lệ tiền mặt cao

Tỷ lệ tiền mặt khá cao, tương đương khoảng 20% tổng tài sản, cho phép các ngân hàng xử lý nhu cầu tiền mặt khẩn cấp và có năng lực lớn để có thể hấp thụ được những cú sốc thanh khoản. Thế nhưng, tỷ lệ này thay đổi tùy theo từng ngân hàng.

Trong số các ngân hàng thương mại được khảo sát, Agribank và MHB có tỷ lệ tiền mặt thấp nhất chỉ xấp xỉ 10%. Điều này có thể gây khó khăn cho hai ngân hàng này tại những thời điểm mà nhu cầu tiền mặt bỗng nhiên tăng vọt.

# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

Tình hình cho vay của hệ thống ngân hàng					
	Q3 2012	Q 4 2012	Q1 2013	Q2 2013	Q3 2013
<b>LDR</b>					
NHTU'	101.81	96.77	94.58	95.45	95.04
NHTM	75.57	79.01	75.7	76.45	74.67
NHNN	96.18	90.07	83.73	79.03	76.46
Toàn HT	91.48	89.35	86.22	87.3	86.19
<b>Tiền gửi ngắn hạn/Vay dài hạn</b>					
NHTU'	21.84	21.45	21.75	20.89	22.28
NHTM	12.33	17.6	16.29	16.76	18.39
NHNN	-2.36	-2.03	-1.91	-2.76	-3.66
Toàn HT	14.83	17.16	16.51	16.34	17.54

Nguồn: Ngân hàng nhà nước

## Tỷ lệ dư nợ trên vốn huy động cao

Mặc dù, tỷ lệ dư nợ trên vốn huy động của ngành ngân hàng đã giảm xuống thấp từ giữa năm 2012 đến năm 2013, nhưng tỷ lệ này được dự báo sẽ tăng lên trong năm năm tới theo BMI. Thậm chí, tính không ổn

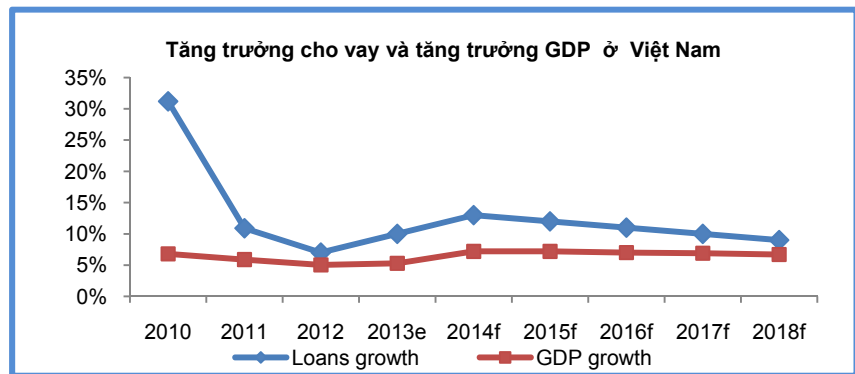
định của thanh khoản còn cao hơn khi tỷ lệ tiền gửi ngắn hạn trên cho vay dài hạn ở các ngân hàng trong nước cao hơn so với các ngân hàng nước ngoài.

# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Triển vọng ngành

Thị trường cho vay sẽ tăng trưởng khi các điều kiện kinh tế được cải thiện.



Source: IMF, IBM.

Năm năm tới hứa hẹn đầy triển vọng đối với ngành ngân hàng. Bởi vì ngành ngân hàng biến động cùng chiều với tình hình kinh tế. Sự cải thiện trong các hoạt động kinh tế sẽ kéo theo sự phục hồi của toàn ngành ngân hàng. Điều kiện kinh tế được cải thiện sẽ kích thích tiêu dùng tạo lên động lực sản xuất và mở rộng quy mô đối với các doanh nghiệp. Dịch vụ ngân hàng bán buôn sẽ bùng nổ một lần nữa. Ngoài ra, chính phủ Việt Nam dự kiến sẽ bán bớt nợ xấu của các ngân hàng cho VAMC. Hành động này đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường những nỗ lực hiện tại để lành mạnh hóa tăng trưởng tín dụng. Vai trò của VAMC là giúp làm sạch bảng cân đối kế toán của các ngân hàng nhằm giải phóng nguồn vốn, và điều này sẽ cho phép ngành ngân hàng

khởi động lại việc cho vay đối với các doanh nghiệp.

Do đó, hoạt động cho vay được dự báo sẽ phục hồi và tăng trưởng ở mức 10% năm 2013, 13% (năm 2014) nhưng sẽ giảm xuống còn 9% vào năm 2018 khi mà GDP của năm đó được dự báo cũng sẽ giảm. Các khoản vay của khách hàng được dự kiến sẽ tăng ở mức 6% một năm, làm giảm sự phụ thuộc của các ngân hàng vào các khoản vay cho khách hàng, đắt hơn nhiều so với các khoản vay liên ngân hàng ở Việt Nam. Lãi suất chính sách cũng được báo trước sẽ duy trì ở mức 7%. Như vậy, thu nhập lãi ròng của ngành được cho là sẽ hồi phục ở mức thấp 5% vào cuối năm 2013 nhưng sẽ dần tăng lên trong 5 năm tiếp theo.

Mỗi năm, việc trích lập dự phòng rủi ro 20% trái phiếu chính phủ có thể gây cản trở cho sự phục hồi của ngành ngân

*Các ngân hàng Việt Nam có thể sẽ không giải quyết được hoàn toàn gánh nặng nợ xấu*

Mặc dù có thể có những phục hồi trong hoạt động cho vay, song các ngân hàng vẫn phải giải quyết khủng hoảng nợ xấu cũ. Dựa trên số liệu sơ bộ, Fitch Ratings cho rằng các ngân hàng có thể vẫn phải đối mặt với rủi ro suy giảm vốn sau khi đã bán bớt nợ xấu cho VAMC. Điều này là bởi vì trái phiếu bảo lãnh chính phủ đối cho nợ xấu phải được trích lập dự phòng rủi ro với tỷ lệ 20% mỗi năm.

Rõ ràng, điều này đồng nghĩa với việc những ngân hàng yếu kém chỉ là mua thời gian để xóa lỗ. Không có vốn mới, các ngân hàng sẽ bị giới hạn khả năng trong việc tái cấu trúc cũng như hỗ trợ nền kinh tế trong nước. Vì vậy, chúng tôi tin rằng trong 2-3 năm tới ngành ngân hàng Việt Nam vẫn còn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn.

# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## *Các dịch vụ thu phí góp phần tăng sự chú ý*

Thu nhập từ dịch vụ được dự báo sẽ tăng lên, trong đó dịch vụ thanh toán vẫn sẽ chiếm tỷ trọng lớn nhất. Theo Bộ Công Thương, hoạt động xuất nhập khẩu ước tính tăng trung bình lần lượt 11.55% và 10.5% trong năm năm tới. Do đó, lệ phí từ các dịch vụ thanh toán quốc tế cũng sẽ tăng lên.

Đối với dịch vụ ngân hàng bán lẻ,

## *Sự minh bạch sẽ được cải thiện*

Yếu tố minh bạch sẽ cải thiện hơn bởi những nguyên nhân sau:  
(1) Các thương vụ M&A của các ngân hàng yếu kém sẽ tạo lên một hệ thống ngân hàng bao gồm những cá thể được quản lý tốt hơn.  
(2) Việc thực hiện thông tư 02/2013/TT-NHNN có thể cải thiện sự minh bạch. Điều này cũng có thể dẫn đến việc tỷ lệ an toàn vốn có thể

những đặc trưng của dịch vụ ngân hàng hiện đại sẽ giúp ngân hàng tăng thu nhập từ dịch vụ ngân hàng điện tử, ngân hàng điện thoại và dịch vụ thẻ. Theo dự báo của IDG-BIU (Business Intelligence Unit), số lượng thẻ ngân hàng và tài khoản ngân hàng trực tuyến sẽ lần lượt tăng 12% và 35% mỗi năm.

xấu hơn và nợ xấu được công bố sẽ cao hơn.

(3) Sự tham gia của các ngân hàng nước ngoài giúp làm gia tăng sự công bằng trong cạnh tranh và sự rõ ràng trong việc công bố thông tin.  
(4) Việc cho phép tăng tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài và tăng khả năng huy động của một vài ngân hàng sẽ làm tăng tính khả dụng của thông tin.

# Sức hấp dẫn của ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Chu kỳ sống của ngành

Ngành ngân hàng đang ở thời kỳ **phát triển**.

Ngành ngân hàng ở Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, được thể hiện rõ nhất qua sự tăng trưởng cao của ngành, việc giới thiệu các sản phẩm mới cũng như sự tăng lên của số lượng các chi nhánh và cột ATM.

Đóng góp của ngành vào nền kinh tế đã tăng từ năm 2008 đến năm 2012 và được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm tiếp theo. Trên thực tế, tỷ lệ đóng góp của ngành vào nền kinh tế trung bình khoảng 20% và sẽ giảm xuống còn 11% trong 5 năm tới. Khi so sánh với tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam (7.5%/năm), thì tốc độ tăng trưởng của ngành (11%/năm) vẫn cao hơn. Điều này cho thấy ngành đang ở trong giai đoạn phát triển.

Bên cạnh đó, có nhiều sản phẩm và loại hình dịch vụ mới đã và đang được đưa vào sử dụng như ngân hàng điện tử, và các loại thẻ ngân hàng hay hợp đồng phái sinh khác nhau để đáp ứng như cầu của khách hàng. Theo hiệp hội thẻ ngân hàng Việt nam, kể từ năm 2007, số lượng thẻ ngân hàng được phát hành đã tăng từ con số 9.34 triệu thẻ lên tới 62.93 triệu thẻ vào tháng 9 năm 2013, thương hiệu thẻ cũng được mở rộng từ 95 lên 350. Số lượng người dùng ngân hàng điện tử cũng tăng trung bình 35% hàng năm.

Hiện nay, các ngân hàng cạnh tranh chủ yếu bằng cách tăng chất lượng các dịch vụ ngân hàng hơn là cạnh tranh về giá. Do đó, ngân hàng tập trung mở rộng mạng lưới của họ bằng việc gia tăng số lượng các chi nhánh. Ví dụ, số lượng chi nhánh của các ngân hàng đã tăng nhanh và tính đến năm 2013 Agribank đã có 2300 chi nhánh, CTG là 138 chi nhánh, BIDV là 108 chi nhánh trên toàn quốc. Số lượng máy ATM đã đạt hơn 13.600 máy. Các dịch vụ chăm sóc khách hàng cũng được cải thiện rất nhiều, ví dụ như sự xuất hiện của Call Centre như ở ngân hàng Vietinbank .

Xu hướng tăng nhanh trong việc giới thiệu các sản phẩm mới và nỗ lực để đạt được lợi thế từ quy mô kinh tế chỉ ra rằng ngành ngân hàng đang ở trong thời kỳ phát triển. Việc giới thiệu thêm các sản phẩm mới được dự báo sẽ tiếp tục tăng nhưng với tốc độ chậm cho đến khi các sản phẩm trong ngành bão hòa. Với thị trường tiềm năng lớn cho các dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ thẻ và các công cụ bảo hiểm rủi ro trong thanh toán, lợi nhuận của ngành được dự báo sẽ tăng trở lại trong những năm tới.

# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi cung ứng | Sản phẩm và dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Địa bàn kinh doanh

## Chuỗi cung ứng

### Những ngành bán chính

#### Những tổ chức tài chính khác

Những ngân hàng khác có thể vay với lãi suất liên ngân hàng và mua/bán tài sản chứng khoán (thông thường là trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp).

#### Khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp

Ngành ngân hàng phụ thuộc vào việc các tổ chức kinh tế và khách hàng cá nhân vay tiền và sử dụng các dịch vụ ngân hàng.

### Những ngành mua chính

#### Những tổ chức tài chính khác

Những tổ chức này gửi tiền và cung cấp các công cụ chứng khoán cho các ngân hàng

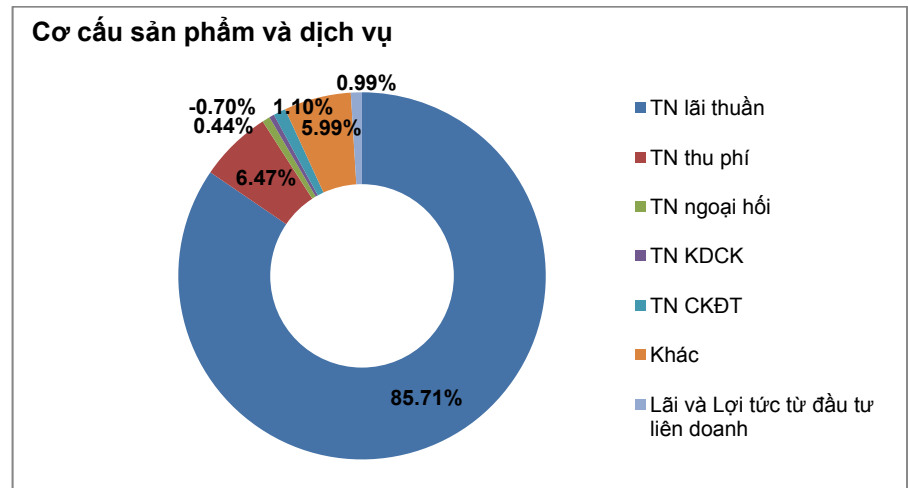
#### Các doanh nghiệp và cá nhân

Các doanh nghiệp nói chung và các cá nhân nói riêng gửi tiền và sử dụng các dịch vụ của ngân hàng.

#### Các dịch vụ công nghệ thông tin

Ngành này cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin như máy chủ, hệ thống dữ liệu hoặc bảo trì máy ATM.

## Sản phẩm và dịch vụ



Nguồn: VietinBankSc

# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi cung ứng | Sản phẩm và dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Địa bàn kinh doanh

Tập trung cao vào các hoạt động truyền thống với 85% tổng thu nhập là thu nhập lãi thuần.

## Phân loại khoảng vay theo ngành

Nông- Lâm- Ngư nghiệp	11%
Ngành sản xuất	29%
Xây dựng	9%
Thương mại	19%
Giao thông vận tải và viễn thông	4%
Ngành khác	28%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Mức đóng góp của thu nhập ngoài lãi vào tổng thu nhập là thấp, chỉ khoảng 15%

## Nhận tiền gửi và cho vay

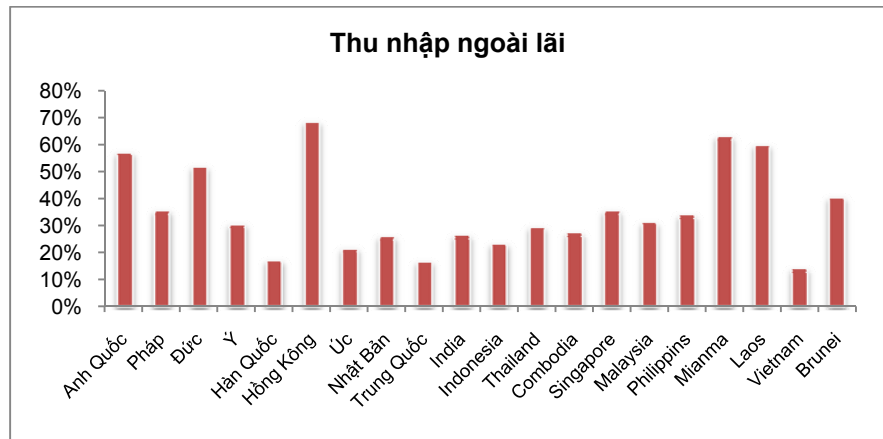
Bởi vì các ngân hàng được thành lập chủ yếu để nhận tiền gửi và cho vay, do đó sẽ không ngạc nhiên khi phân khúc này chiếm phần lớn nhất, 85% thu nhập của toàn ngành. Tuy nhiên, điều đó cũng cho thấy, thu nhập của ngành đang không được đa dạng hóa khi quá phụ thuộc vào thu nhập lãi, và điều này sẽ khiến cho ngành phải đối mặt với rủi ro tin dụng nhiều hơn. Hơn nữa, lợi nhuận của các ngân hàng cũng sẽ bị ảnh hưởng nặng nề bởi quy định hạn chế tăng trưởng tín dụng.

Với bất kỳ một ngân hàng nào thì tiền gửi được coi là yếu tố đầu vào và các khoản vay được coi là yếu tố đầu ra. Ngân hàng huy động vốn dưới nhiều hình thức tiền gửi. Theo kỳ hạn thì có tiền gửi dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Theo nguyên tắc thu hồi tiền gửi thì có tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có thời hạn (không

thể rút tiền nếu chưa đáo hạn) và tiền gửi có thể rút trước thời hạn. Để khách hàng duy trì tiền gửi trong tài khoản, các ngân hàng đưa ra một loạt các chương trình khuyến mãi như lãi suất ưu đãi hoặc quà tặng.

Các ngân hàng cung cấp các khoản vay và ứng trước cho các tổ chức tài chính, doanh nghiệp và các cá nhân. Trong đó, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm lượng vốn vay nhiều nhất với 48%. Để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất của các ngành thuộc diện ưu tiên đặc biệt, các ngân hàng áp dụng các mức lãi suất cho vay riêng đối với các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp và thủy sản với lãi suất trung bình năm vào khoảng 7-9%, các ngành sản xuất, xây dựng vận tải, thương mại, viễn thông và những ngành khác vào khoảng 9%-13% một năm.

## Các hoạt động thu nhập ngoài lãi



Nguồn: Ngân hàng Thế giới

Không giống như các ngân hàng nước ngoài, các hoạt động thu nhập ngoài lãi của ngân hàng Việt nam chỉ đóng một phần nhỏ vào tổng thu nhập. Tỷ lệ này đã giảm mạnh từ 14.8% (2009 xuống 12.7% (2010) và xuống còn 8.4% (2011), nhưng ngay sau đó đã tăng trở lại lên mức 15% vào năm 2012. Nguyên nhân là do việc sụt giảm thu nhập lãi khi tăng trưởng tín dụng thấp. Sự bùng nổ

của ngân hàng trực tuyến và dịch vụ thẻ cũng góp phần giải thích cho xu hướng này.

Phân khúc này bao gồm các dịch vụ thu phí, kinh doanh ngoại hối, giao dịch chứng khoán, đầu tư chứng khoán và đầu tư vào những công ty khác. Trong đó, mảng dịch vụ thu phí đóng vai trò rất quan trọng.



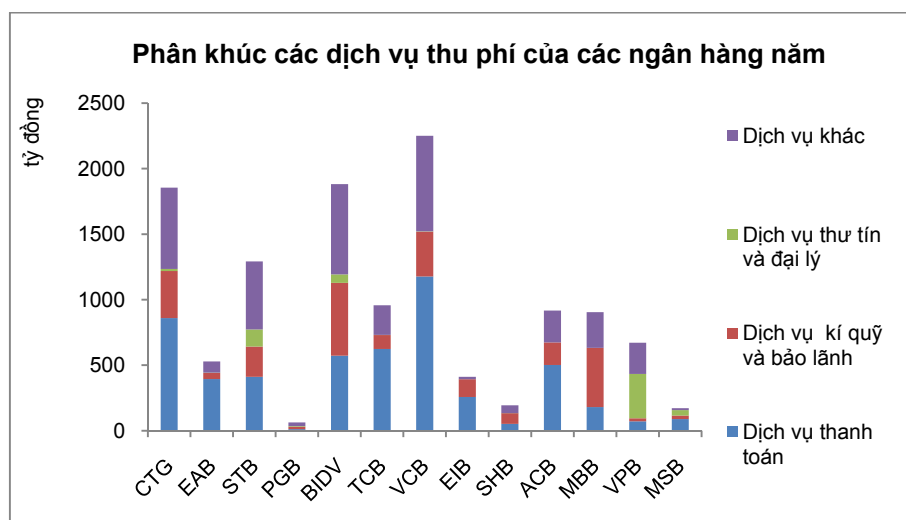
# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi cung ứng | Sản phẩm và dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Địa bàn kinh doanh

## Dịch vụ thu phí

Dịch vụ thu phí cho phép các ngân hàng đa dạng hóa sản phẩm và khách hàng. Bên cạnh đó, dịch vụ thu phí cũng là hoạt động ít rủi ro so với hoạt động kinh doanh truyền thống của các ngân hàng. Phân khúc này cho thấy những tín hiệu khá lạc quan trong tương lai. Dịch vụ

thu phí bao gồm các hoạt động thanh toán, thu nợ, dịch vụ ngân quỹ và bảo lãnh, và những hoạt động bảo đảm và làm đại lý. Dịch vụ thanh toán chiếm tỷ lệ lớn nhất nhờ nhu cầu thanh toán nội địa cũng như thanh toán quốc tế của các công ty xuất nhập khẩu.



Nguồn: VietinBankSc

# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi cung ứng | Sản phẩm và dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Địa bàn kinh doanh

## Yếu tố quyết định nhu cầu

Nhu cầu về các dịch vụ ngân hàng bị ảnh hưởng bởi tăng trưởng kinh tế, tỉ lệ chi tiêu và phong cách ngân hàng hiện đại.

### Tăng trưởng kinh tế

Rõ ràng là, tăng trưởng kinh tế vĩ mô là động lực chính cho nhu cầu của ngành. Khi nền kinh tế bùng nổ, các công ty sẽ có nhu cầu lớn hơn về số vốn lưu động cũng như đầu tư vào tài sản cố định. Hoạt động thanh toán và thu nợ giữa các công ty

cũng sẽ diễn ra mạnh mẽ. Những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế vĩ mô sẽ giúp nâng cao sự tự tin của các nhà đầu tư vào thị trường bất động sản. Do đó, nhu cầu vay tiền mua nhà ở cá nhân vì thế cũng tăng lên.

### Tỉ lệ chi tiêu

Tỷ lệ chi tiêu trên tổng thu nhập càng cao thì nhu cầu cho các dịch vụ ngân hàng càng cao. Các hoạt động mua sắm sẽ được hỗ trợ bởi

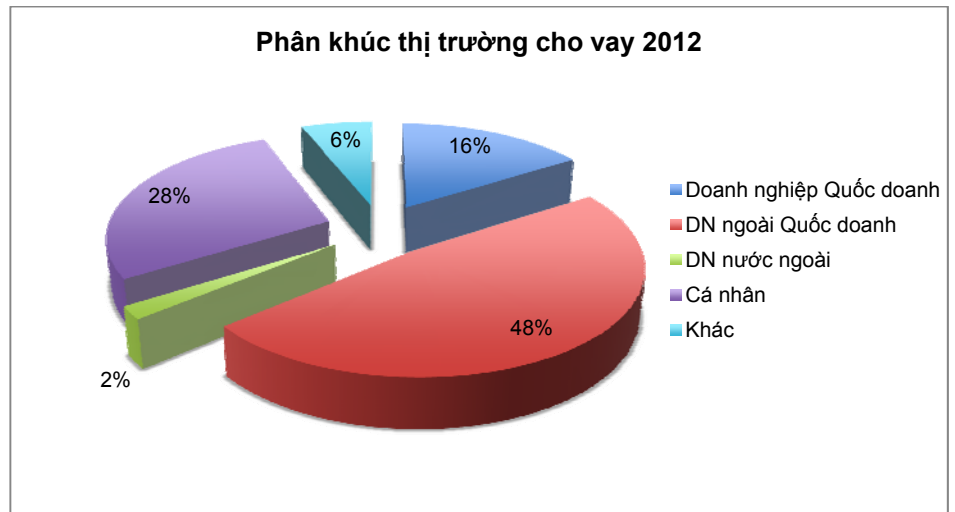
các loại hình dịch vụ ngân hàng khác nhau như thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thanh toán trong nước và quốc tế, hoạt động ngoại hối, v.v.

### Xu hướng dịch vụ ngân hàng hiện đại

Xu hướng thanh toán phi tiền mặt đang tăng lên. Tuy vậy, tại thời điểm hiện tại, phần lớn dân số vẫn đang sử dụng tiền mặt khá nhiều, điều

này hứa hẹn những tiềm năng lớn cho việc áp dụng hệ thống thanh toán phi tiền mặt và những công nghệ ngân hàng di động mới.

## Thị trường chính



Nguồn: Ngân hàng Nhà Nước

Thị trường lớn nhất của ngành ngân hàng là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, chiếm tới hơn 48% các khoản vay từ ngân hàng. Ngành ngân hàng trở lên cạnh tranh hơn khi nhu cầu đầu tư tài sản tài chính và vốn lưu động của các doanh nghiệp tăng lên. Các doanh nghiệp coi việc vay vốn ngân hàng là một nguồn vốn rẻ, an toàn và dồi dào hơn so với vốn chủ sở hữu. Từ quan điểm của các ngân hàng, tại thời

điểm hiện tại, tuy tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh vẫn còn yếu kém, song đây vẫn là thị trường đầy tiềm năng.

Vì thế, thị trường quan trọng này sẽ ngày càng được chú trọng hơn trong những năm tới, liên quan đến các dịch vụ tư vấn về các dịch vụ xây dựng kế hoạch tiếp thị, kế toán và kiểm toán.

# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi cung ứng | Sản phẩm và dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Địa bàn kinh doanh

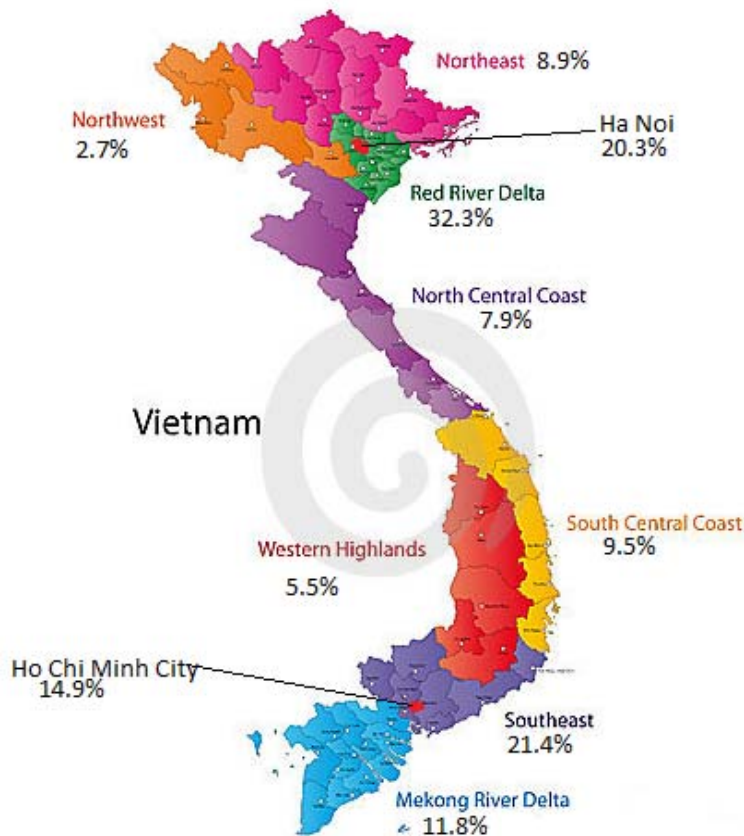
Nhóm các công ty quốc doanh cũng có cùng lý do vay vốn như các công ty ngoài quốc doanh. Tuy vậy, theo các công ty kiểm toán, do kết quả hoạt động khá khiêm nhường mà một số công ty không thể đáp ứng được những điều kiện yêu cầu bởi các ngân hàng. Ngược lại, các công ty có sản lượng và năng suất cao lại có thể giảm sự phụ thuộc của họ vào các khoản vay từ ngân hàng khi họ có thể sử dụng lợi nhuận giữ lại để đầu tư cho các hoạt động của họ. Vì vậy, nhóm khách hàng này chỉ chiếm khoảng 16%.

Những khoản cho vay đối với các doanh nghiệp nước ngoài là không đáng kể. Những doanh nghiệp này thường có mối liên hệ chặt chẽ với các ngân hàng nước ngoài, nơi mà công ty mẹ của họ đang kinh doanh. Nhờ đó mà các doanh nghiệp FDI có thể nhận được lãi suất cũng như phí dịch vụ ưu đãi từ các ngân hàng

nước ngoài hơn các ngân hàng trong nước. Bên cạnh đó, gần đây, đã có rất nhiều doanh nghiệp FDI không thể thanh toán các khoản nợ vay của họ. Đặc biệt, có tới khoảng 500 doanh nghiệp rơi vào tình cảnh như vậy vào nửa đầu năm 2013. Trong hoàn cảnh đó, ngân hàng có thể sẽ triển khai các kế hoạch để cải thiện phân khúc liên quan đến các doanh nghiệp FDI.

Phân khúc bán lẻ đứng thứ hai trong tổng số các khoản cho vay. Ngân hàng cung cấp các sản phẩm khác nhau để giúp các khách hàng cá nhân có thể mua xe, mua nhà một cách thuận tiện và an toàn nhất. Tỷ lệ đóng góp của phân khúc này được dự báo là sẽ đạt khoảng 35% trong 5 năm tới. Năm 2013, bởi vì tăng trưởng tín dụng trong phân khúc bán buôn thấp, phân khúc bán lẻ đã góp vào tới 40% trong tổng doanh thu.

## Địa bàn kinh doanh



Chi nhánh các ngân hàng chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, nơi có nhu cầu cao về các dịch vụ ngân hàng. Ví dụ, Hà Nội chiếm tỷ lệ cao nhất với 20.3%, xếp ngay sau đó là TP Hồ Chí Minh với 14.9%, Hải Phòng 3.2%, Quảng Ninh 2.9%, Đà Nẵng 2.5%, và Thanh Hóa 2.5%.

Source: VietinBankSc

Để có bản đầy đủ của Báo cáo này, vui lòng liên lạc với chúng tôi:

**Phòng Nghiên cứu Phân tích**

**T** +84 4 3974 7952  
**F** +84 4 3094 7572  
**E** [research@vietinbanksc.com.vn](mailto:research@vietinbanksc.com.vn)

**Phòng Môi giới chứng khoán**

**T** +84 4 3974 6900  
**F** +84 4 3974 7572  
**E** [moigioichungkhoan@vietinbanksc.com.vn](mailto:moigioichungkhoan@vietinbanksc.com.vn)

**Phòng Môi giới chứng khoán - CN Hồ Chí Minh**

**T** +84 8 3820 9987  
**F** +84 8 3820 0921  
**E** [moigioiHCM@vietinbanksc.com.vn](mailto:moigioiHCM@vietinbanksc.com.vn)

**W** [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương (VietinbankSC) là một công ty chứng khoán được cấp phép với đầy đủ các chức năng nghiệp vụ, có số vốn điều lệ là 800 tỷ đồng, tương đương 40 triệu đô la.

VietinbankSC được niêm yết trên sàn GDCK Hà Nội (HNX) với mã giao dịch "CTS"

**Liên hệ**

306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**T** +84 4 3974 7952

**F** +84 4 3094 7572

**W** [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

**Lưu ý sử dụng**

Báo cáo này được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương (VietinbankSC), và được sử dụng chủ yếu cho khách hàng của Công ty, tuân theo nghiêm ngặt các điều khoản sử dụng. VietinbankSC không có bất kỳ cam kết cá nhân nào về tính đầy đủ và chính xác của dữ liệu hay thông tin có trong báo cáo này. Công ty từ chối trách nhiệm cũng như phủ nhận tất cả trách nhiệm pháp lý (ngoại trừ những trách nhiệm không thể phủ nhận theo luật pháp) đối với bất kỳ tổn thất hay thiệt hại nào được gây ra hoặc phát sinh với bất cứ cá nhân nào, bắt nguồn từ việc sử dụng hoặc tin tưởng vào

số liệu và thông tin trong báo cáo. Bản quyền báo cáo thuộc sở hữu của VietinbankSC. Báo cáo được cung cấp dựa trên cơ sở người dùng đồng ý không sao chép các tài liệu, thông tin trong báo cáo để sử dụng với mục đích riêng. Trong trường hợp người sử dụng sử dụng hoạt trích dẫn tài liệu thông tin trong báo cáo này trong các giấy tờ, báo cáo, hay ý kiến để chuẩn bị cho bất kỳ ai khác, người sử dụng phải đồng ý trích dẫn nguồn tài liệu là từ VietinbankSC.

Copyright 2013 VietinbankSC